

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ TÚ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/KDTM-ST

Ngày: 10 - 5 - 2024.

“V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lý Thanh Chiêu;

Ông Lê Hoàng Điệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 06 và ngày 10 tháng 5 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2024/TLST-KDTM ngày 02 tháng 01 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2024/QĐXXST-KDTM ngày 02 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hoá chất S;

Địa chỉ: Tầng 5, số 40, Đường Phạm Ngọc T, Phường Võ Thị S, Quận 3, thành phố Hồ Chí M.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Phan Đăng Phong N;

Địa chỉ: Số 2, Đường Phạm H, Phường Lê B, Quận Cái R, thành phố Cần T (có mặt).

- Bị đơn: Hộ kinh doanh Nguyễn Ngọc H;

Địa chỉ: Ấp Mỹ H, xã Mỹ T, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc H - Đại diện Hộ kinh doanh;

Địa chỉ kinh doanh: Ấp Mỹ H, xã Mỹ T, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc Tr (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 10 năm 2023 của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Hóa chất S và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là bà Phan Đặng Phong N trình bày:

Ngày 17/4/2020 Công ty trách nhiệm hữu hạn Hóa chất S (sau đây gọi tắt là Công ty S) và ông Nguyễn Ngọc H - Đại diện Hộ kinh doanh Nguyễn Ngọc H có giao kết Hợp đồng phân phối số: 128/HĐPP-SCVCL.2018 về việc phân phối các sản phẩm hóa chất, thuốc trừ sâu do Công ty S cung cấp. Trong đó, Công ty S giữ vai trò là nhà cung cấp hàng hóa, còn ông Nguyễn Ngọc H - Đại diện Hộ kinh doanh Nguyễn Ngọc H là người mua hàng.

Thực hiện hợp đồng. Công ty S tiến hành giao hàng đầy đủ số lượng và xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 00001091 ngày 21/9/2022, giá trị 1.058.048.163 đồng.

Sau khi cản trừ số tiền thanh toán là 145.000.720 đồng thì số nợ gốc ông Nguyễn Ngọc H - Đại diện Hộ kinh doanh Nguyễn Ngọc H còn nợ Công ty Sumitomo số tiền là 913.047.443 đồng.

Như vậy, tính đến ngày nộp đơn khởi kiện ngày 11/10/2023 ông Nguyễn Ngọc H - Đại diện Hộ kinh doanh Nguyễn Ngọc H còn nợ Công ty S số tiền là 913.047.443 đồng (Chín trăm mười ba triệu, không trăm bốn mươi bảy nghìn, bốn trăm bốn mươi ba đồng).

Về lãi chậm thanh toán: Căn cứ vào Điều 4.1 Hợp đồng phân phối số: 128/HĐPP-SCVCL.2018 các bên có thỏa thuận về thời hạn thanh toán tiền mua hàng cụ thể như sau: “4.1. Bên Mua sẽ thanh toán cho Bên bán dưới hình thức chuyển khoản vào tài khoản Ngân hàng của bên bán trong vòng 7 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn tài chính. Bên bán không nhận thanh toán bằng tiền mặt, ngoại trừ có văn bản gốc chỉ định được ký tên bởi người đại diện pháp lý đã nêu ở trang đầu và đóng dấu tròn của bên bán”.

Công ty S yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Ngọc H - Đại diện Hộ kinh doanh Nguyễn Ngọc H thanh toán lãi chậm thanh toán từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán đến ngày xét xử sơ thẩm và tiếp tục tính lãi chậm thanh toán đến ngày bị đơn trả xong nợ cho nguyên đơn. Với mức lãi suất theo thỏa thuận tại Điều 4.3 Hợp đồng phân phối số: 128/HĐPP-SCVCL.2018. Cụ thể:

“4.3. Bên Mua thanh toán chậm hơn so với thời gian được quy định sẽ phải chịu khoản phạt lãi suất chậm thanh toán ở mức bằng 150% lãi suất cho vay có kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng tại Việt Nam mà bên bán mở tài khoản”.

Lãi suất chậm thanh toán Công ty S tạm tính cụ thể như sau: Số nợ gốc là 913.047.443 đồng, ngày bắt đầu tính lãi ngày 28/9/2022, tạm tính đến ngày 11/10/2023 (số ngày quá hạn là 378 ngày, lãi suất 10%/năm) là 94.556.694 đồng.

Công ty TNHH Hoá chất S yêu cầu Tòa án giải quyết. Buộc ông Nguyễn Ngọc H - Đại diện Hộ kinh doanh Nguyễn Ngọc H thanh toán các khoản nợ gồm: Nợ gốc 913.047.443 đồng (Chín trăm mười ba triệu, không trăm bốn mươi bảy nghìn, bốn trăm bốn mươi ba đồng). Tổng tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 28/9/2022 đến ngày 11/10/2023 là 94.556.694 đồng. Tổng cộng là 1.007.604.137

đồng (Một tỷ, không trăm lẻ bảy triệu, sáu trăm lẻ bốn nghìn, một trăm ba mươi bảy đồng).

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc là 913.047.443 đồng và tính lãi suất của Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng nguyên đơn mở tài khoản, nhưng tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu trả số tiền nợ gốc là 878.047.443 đồng vì bị đơn đã thanh toán trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án và tính lãi suất theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn Hộ kinh doanh Nguyễn Ngọc H: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án triệu tập hợp lệ bị đơn 02 (hai) lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Biên bản không tiến hành hòa giải được và Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để đưa vụ án ra xét xử.

Bị đơn Hộ kinh doanh Nguyễn Ngọc H đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận, nguyên đơn cung cấp các sản phẩm hóa chất, thuốc trừ sâu cho bị đơn, trong quá trình phân phối sản phẩm tổng số tiền mua hàng là 1.058.048.163 đồng, bị đơn đã thanh toán, hiện tại bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là 878.047.443 đồng nhưng bị đơn không thực hiện đúng như thỏa thuận hợp đồng nên nguyên đơn khởi kiện bị đơn là có căn cứ. Về lãi suất nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn thiếu là: 878.047.443 đồng và lãi suất chậm trả nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ bị đơn đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ

điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng phân phối theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự, địa chỉ kinh doanh tại ấp Mỹ H, xã Mỹ T, xã Mỹ T, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền mua bán sản phẩm hóa chất, thuốc trừ sâu. Trong quá trình mua sản phẩm hóa chất, thuốc trừ sâu của nguyên đơn, bị đơn không thực hiện đúng như thỏa thuận nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả số tiền mua bán sản phẩm hóa chất, thuốc trừ sâu, chứ không phải tranh chấp hợp đồng phân phối như Tòa án xác định khi thụ lý vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp cho phù hợp với nội dung tranh chấp.

[4] Về nội dung: Bị đơn mua sản phẩm hóa chất, thuốc trừ sâu của nguyên đơn, nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án Thư xác nhận công nợ đề ngày 03 tháng 3 năm 2023 giữa nguyên đơn và bị đơn. Trong quá trình thụ lý vụ án, Tòa án có thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn biết việc nguyên đơn khởi kiện bị đơn đòi tiền mua hóa chất, thuốc trừ sâu, nhưng bị đơn không có ý kiến việc nguyên đơn khởi kiện bị đơn. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định đây là sự thật.

[5] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu trả số tiền nợ gốc là 878.047.443 đồng và tính lãi suất theo quy định của pháp luật. Xét thấy, việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hoàn toàn tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện. Căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận sự thay đổi này của nguyên đơn.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận nguyên đơn bán sản phẩm hóa chất, thuốc trừ sâu cho bị đơn, nguyên đơn và bị đơn có xác nhận công nợ bị đơn thừa nhận còn nợ tiền mua sản phẩm hóa chất, thuốc trừ sâu của nguyên đơn số tiền là: 1.058.048.163 đồng, bị đơn đã thanh toán 02 lần số tiền là 145.000.720 đồng và 35.000.000 đồng, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là 878.047.443 đồng. Căn cứ Điều 50 Luật Thương mại quy định về nghĩa vụ thanh toán: *“Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng và nhận hàng theo thỏa thuận. Bên mua phải tuân thủ các phương thức thanh toán, thực hiện việc thanh toán theo trình tự, thủ tục đã thỏa thuận và theo quy định của pháp luật”*. Như vậy, bị đơn đã vi phạm hợp đồng nên bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền mua sản phẩm hóa chất, thuốc trừ sâu còn thiếu chưa thanh toán. Cho nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền mua sản phẩm hóa chất, thuốc trừ sâu còn thiếu là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về lãi suất nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật. Xét thấy: Hợp đồng phân phối có thỏa thuận về lãi suất chậm trả. Theo quy định Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005 “*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*”. Căn cứ quy định này qua xác minh lãi suất cho vay tổ chức, doanh nghiệp để sản xuất kinh doanh tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, theo quy định mức lãi suất trung bình trên thị trường là 7,70%/năm và phù hợp với quy định pháp luật nên yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

- Về thời gian tính lãi suất được tính từ ngày vi phạm hợp đồng đến ngày xét xử sơ thẩm, số tiền lãi suất mà bị đơn còn thiếu nguyên đơn cụ thể là:

Số tiền 878.047.443 đồng x 7,70%/năm x 01 năm 07 tháng 12 ngày (từ ngày 28/9/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 10/5/2024) = 109.018.371 đồng.

[8] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại; Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại là 41.611.974 đồng (Bốn mươi một triệu, sáu trăm mười một nghìn, chín trăm bảy mươi bốn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 244; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 24; Điều 50 và Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Hoá chất S. Buộc bị đơn Hộ kinh doanh Nguyễn Ngọc H có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền mua sản phẩm hóa chất, thuốc trừ sâu và tiền lãi suất tổng cộng là: 987.065.814 đồng (Chín trăm tám mươi bảy triệu, không trăm sáu mươi lăm nghìn, tám trăm mười bốn đồng). Trong đó: Tiền mua sản phẩm hóa chất, thuốc trừ sâu là: 878.047.443 đồng và tiền lãi suất là: 109.018.371 đồng.

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chưa thanh toán, thì hàng tháng bị đơn còn phải trả lãi cho nguyên đơn theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.118.000 đồng (Hai mươi một triệu, một trăm mười tám nghìn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002712 ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 41.611.974 đồng (Bốn mươi một triệu, sáu trăm mười một nghìn, chín trăm bảy mươi bốn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đào Thị Kiều Oanh